

Số: 06/2019/QĐST-HNGĐ

S, ngày 02 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 277/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Nguyễn B - Sinh năm 1965; Nơi ĐKKHKT: K13/211 Nguyễn Chí Thanh, quận H, Tp. Đà Nẵng; Tạm trú: Phòng 201, khu chung cư A1, Nguyễn Đăng Giai, phường T, quận S, Tp. Đà Nẵng.

Bà Trần Thu H - Sinh năm 1967; Nơi ĐKKHKT: 60 Hàng Đường, quận H, TP. Hà Nội; Tạm trú: Phòng 201, khu chung cư A1, Nguyễn Đăng Giai, phường T, quận S, Tp. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 12 năm 2018, người yêu cầu là ông Nguyễn B và bà Trần Thu H đã thỏa thuận được như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, TP. Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số I/99 UBND phường B, quận H, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 10/02/1999), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, do

bất đồng về tính cách nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, không còn tình cảm gì với nhau nữa nên Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H xác nhận có 02 con chung tên là: Nguyễn Thụy Diệu T, sinh ngày 20/3/1997 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 28/02/2005.

Ly hôn, ông Nguyễn B và bà Trần Thu H thống nhất giao con Nguyễn Đức M cho bà Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; Cháu Nguyễn Thụy Diệu T đã đủ 18 tuổi nên ở với ai cháu tự quyết định.

Ông Nguyễn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đức M 2.000.000đ/tháng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: kể từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H thống nhất tự thỏa thuận về tài sản chung.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H xác định không có.

5. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn B và bà Trần Thu H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn B và bà Trần Thu H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07565 ngày 21/12/2018.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số I/99 do UBND phường B, quận H, TP. Đà Nẵng chứng nhận ngày 10/02/1999).

* Về con chung: Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H xác nhận có 02 con chung tên là: Nguyễn Thụy Diệu T, sinh ngày 20/3/1997 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 28/02/2005.

Ly hôn, ông Nguyễn B và bà Trần Thu H thống nhất giao con Nguyễn Đức M cho bà Trần Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; Cháu Nguyễn Thụy Diệu T đã đủ 18 tuổi nên ở với ai cháu tự quyết định.

Ông Nguyễn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đức M 2.000.000đ/tháng. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: kể từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm. Khi cần thiết, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về tài sản chung: Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H thống nhất tự thỏa thuận.

* Về nợ chung: Ông Nguyễn B và bà Trần Thu H xác định không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Nguyễn B và bà Trần Thu H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn B và bà Trần Thu H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, Thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 07565 ngày 21/12/2018.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDQ. S
- Các đương sự
- CC THADSQ. S
- UBND P. B, quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa

